

Đức Phật ra khỏi nước Duy-da-lê, bảo A-nan:

“Tất cả hãy đến xóm Trúc phương<sup>1</sup>.”

Tôn giả A-nan thưa:

“Dạ vâng.”

Lại nghe ở xóm Trúc phương bấy giờ lúa thóc khan hiếm, các Tỳ-kheo đi khát thực khó khăn, Đức Phật ngồi suy nghĩ: ‘Nước Duy-da-lê đang hồi đói kém, lúa thóc ít ỏi, đất đỏ, còn ở xóm làng này thì nhỏ hẹp, không đủ để các Tỳ-kheo đi khát thực.’ Đức Phật nghĩ, muốn bảo các Tỳ-kheo hãy phân bố ra nước khác, nơi lúa thóc dồi dào hơn để khát thực. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo Tăng:

“Ở xóm Trúc phương này lúa thóc không nhiều, việc khát thực khó khăn, còn bên nước Sa-la-đề<sup>2</sup> thì khá giả, sung túc hơn. Chung quanh nước Duy-da-lê này thì lúa thóc rất đất đỏ. Riêng ta cùng A-nan thì ở lại xóm Trúc phương.”

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều đi đến nước Sa-la-đề, còn Đức Phật và A-nan thì đến xóm Trúc phương. Lúc này, Đức Phật bị bệnh nặng, muốn nhập Nê-hoàn. Đức Phật tự nghĩ: “Các Tỳ-kheo đều đi khỏi cả, riêng ta nhập Nê-hoàn, không có lời dạy dỗ nào sao?”

A Nan ở bên một gốc cây, đi đến chỗ Đức Phật hỏi thăm:

“Thánh thể không điều hòa, nay có bớt không?”

Phật nói:

“Chưa bớt. Bệnh rất nặng. Ta muốn nhập Nê-hoàn.”

A-nan thưa:

“Xin Phật hãy khoan nhập Nê-hoàn. Hãy chờ các Tỳ-kheo tụ tập đông đủ đã.”

Phật bảo Tôn giả A-nan:

“Ta có kinh điển và giới luật<sup>3</sup>. Các người hãy vâng theo kinh, giới mà tu hành thì cũng như ta hiện có trong chúng Tỳ-kheo Tăng. Các Tỳ-kheo Tăng đều đã biết sự chỉ dạy của Phật. Ta đã dạy cho đệ tử phép thờ thầy. Các đệ tử hãy nên thọ trì, dốc tâm tu học. Nay toàn thân ta đau đớn. Ta đã vận dụng oai thần của Phật, trị bệnh

1. Trúc phương 竹芳; No.1(2) sdd.: Trúc lâm, 竹林.

2. Sa-la-đề 沙羅提; No.1(2) sdd.: đến hai nước, Tỳ-xá-ly 毗舍離, Việt-kỳ 越祇.

3. Hán: kinh giới 經戒, chỉ Pháp và Luật.

không cho tái phát; trụ tâm nhiếp phục bệnh, như có phần thuyên giảm.”

Đức Phật bảo A-nan:

“Nay ta đã già rồi, tuổi đã tám mươi. Ví như chiếc xe cũ kỹ không còn cứng cáp. Thân thể ta cũng như vậy, không còn cứng cáp nữa. Ta há chẳng từng nói với các người: ‘Không có cái gì trên mặt đất này mà không chết. Có một cõi trời thật cao tên là Bất tướng nhập<sup>4</sup>, thọ đến tám mươi ức bốn ngàn vạn kiếp, cuối cùng cũng phải chết.’ Do đó nên ta mới giảng kinh chỉ dạy cho mọi người để đoạn trừ cội gốc của sanh tử. Sau khi ta đã Bát-nê-hoàn, các người không được lìa bỏ kinh giới này; hãy cung kính, tôn trọng nhau; hãy tự quán sát nội thân; giữ tâm chánh niệm, thực hành chân chánh; hãy giữ giới pháp, khiến cho trong và ngoài vẫn như thường. Trong bốn chúng đệ tử, ai thọ trì giới pháp, thấy đều là đệ tử Phật. Nếu ai học kinh giáo của Phật cũng đều là đệ tử của Phật. Đức Phật đã bỏ ngôi vị Chuyển luân vương lo cho mọi người trong thiên hạ; cũng tự lo bệnh tật của chính mình; luôn xả bỏ mọi trạng thái dâm, nộ, si.”

Đức Phật từ xóm Trúc phương, bảo A-nan:

“Chúng ta hãy trở lại nước Duy-da-lê<sup>5</sup>.

A-nan vâng theo lời dạy. Đức Phật trở lại nước Duy-da-lê, ôm bát vào thành khát thực, tìm đến ngôi ở khoảng đất trống dưới một gốc cây Cấp-tật thân<sup>6</sup> ở khoảng đất trống suy tư về việc sanh tử. A-nan thì ngồi dưới một gốc cây khác cách xa đó mà suy nghĩ về những điều ám ảnh<sup>7</sup>; rồi đứng dậy đi đến chỗ Đức Phật; đánh lễ Phật xong, đứng bạch Phật:

“Sao Ngài chưa nhập Niết-bàn?<sup>8</sup>”

Đức Phật bảo A-nan:

- 
4. Bất-tướng-nhập 不想入, tức Phi tướng phi phi tướng xứ.
  5. Duy-da-lê 維耶梨; No.1(2) sdd.: đi đến tháp Giá-bà-la tháp 遮婆羅塔.
  6. Hán: Cấp-tật thân thọ hạ 急疾神樹下 (xem cht.4), có lẽ muốn nói là gốc cây ở gần tháp Giá-bà-la; Pāli: Cāpāla-cetiya. No.1(2) sdd.: không có tên này.
  7. Nguyên văn: tư duy âm phòng chi sự 思惟陰房之事, nghĩa đen: “suy nghĩ về căn buồng bị che tối”. Ý muốn nói, A-nan bị Ma-vương che lấp tâm trí nên không biết thỉnh Phật trụ thế lâu hơn. No.1(2) sdd.: Ma sở tế 魔所蔽.
  8. Có sự nhầm lẫn trong bản Hán dịch này. Thay vì là ma Ba-tuần nói câu này, chú không phải A-nan.

“An vui thay nước Duy-da-lê. An vui thay nước Việt-da.<sup>9</sup> An vui thay đất của thần Cấp Tật. An vui thay cửa thành Sa-đạt-tránh. An vui thay những con đường trong thành. An vui thay đền thờ Danh-phù-phất. An vui thay thiên hạ Diêm-phù-lợi. An vui thay nước Việt-kỳ. An vui thay nước Giá-ba. An vui thay cửa Tát-thành. An vui thay nước Ma-kiệt. An vui thay Mãn-phất. An vui thay Uất-đề. An vui thay suối Tây-liên. An vui thay núi Xuất kim. Năm sắc<sup>10</sup> sanh ra trong nội địa Diêm-phù-lợi như bức họa; an vui thay những ai sanh trong đó.”

Đức Phật bảo A-nan:

“Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào, thọ trì bốn pháp<sup>11</sup>, tư duy cho thuần thực, chánh tâm, không lệ thuộc vào vọng tâm, bên ngoài cũng nghĩ tốt, bên trong cũng nghĩ tốt, tâm không còn tham đắm dục lạc, không kinh sợ, cũng không còn dong ruổi nữa, thì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đó đã giữ vững ý chí mình. Tu tập bốn pháp như vậy gọi là bốn thần túc<sup>12</sup>; nếu muốn sống đến một kiếp cũng có thể được.”

Bấy giờ, Ma đã nhập vào bụng<sup>13</sup> của A-nan. Đức Phật lại bảo A-nan:

“Như vậy hãy còn có thể được.”

A-nan lại nói:

“Vì sao Phật chưa nhập Nê-hoàn? Bây giờ là đúng lúc Nê-hoàn!”

Đức Phật lại nói:

“An vui thay Diêm-phù-lợi. Nếu ai biết bốn thần túc này thì có thể sống trong trời đất này một kiếp, hoặc hơn thế nữa.”

<sup>9</sup>. Danh sách các địa phương Phật đi qua và khen ngợi vẻ đẹp của chúng như là báo hiệu Ngài sắp nhập Niết-bàn. Việt-da quốc 越耶國; Danh-phù-phaát 名浮沸; Diêm-phù-lợi 閻浮利; Việt-kỳ 越祇; Giá-ba quốc 遮波國; Tát thành 薩城; Ma kiệt 摩竭; Uất-đề 鬱提; Tây-liên-khê 醯連溪; Xuất-kim sơn 出金山. So sánh liệt kê của bản Pāli: thành Vesāli, miếu Udena, miếu Gotamaka, miếu Sattambaka, miếu Bahuputta, miếu Sārandada, miếu Cāpala. No.1(2) không nêu danh sách này.

<sup>10</sup>. Hán: ngũ sắc 五色; đây không chỉ màu sắc của thị giác, mà chính xác nói đến màu da, tức chỉ năm sắc dân, yếu tố phân chia đẳng cấp xã hội của Ấn Độ cổ đại.

<sup>11</sup>. Tứ pháp 四法, chỉ cho Tứ thần túc, 四神足.

<sup>12</sup>. Xem cht.88.

<sup>13</sup>. Nguyên Hán: A-nan phúc 阿難腹.

Ngài lại bảo A-nan như vậy cho đến lần thứ ba mà A-nan vẫn không trả lời về việc bốn thần tức. Đức Phật bảo A-nan:

“Hãy nên ngồi bên gốc cây mà tự suy tư.”

Đức Phật đứng dậy đi đến bên dòng suối Hê-liên<sup>14</sup>, ngồi cạnh gốc cây. Ma<sup>15</sup> đi đến chỗ Phật nói:

“Tại sao Ngài không nhập Nê-hoàn?”

Đức Phật bảo:

“Này Tệ ma<sup>16</sup>, ta chưa thể nhập Nê-hoàn, vì còn chờ bốn chúng đệ tử của ta có trí tuệ sáng suốt, đắc đạo; còn chờ chư Thiên trên trời, dân chúng nơi thế gian và các hàng quý thần đạt được trí tuệ, đắc đạo; chờ cho kinh pháp của ta được truyền bá khắp mọi nơi chốn, cho nên ta chưa thể nhập Nê-hoàn.”

Ma biết Phật sẽ nhập Nê-hoàn nên vui mừng ra đi. Đức Phật ngồi tự suy tư: ‘Ta nay có thể xả bỏ tuổi thọ<sup>17</sup>.’ Khi ngài muốn xả bỏ tuổi thọ, bấy giờ trời đất chấn động mạnh, hàng quý thần thấy đều kinh hãi. Lúc đó, A-nan đang ngồi bên gốc cây lo sợ vội đứng dậy đi đến chỗ Phật ngự, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật rồi đứng qua một bên, thưa:

“Con đang ngồi bên gốc cây, bỗng nhiên trời đất chấn động mạnh. Con kinh hãi đến nỗi lông tóc trong người đều dựng đứng. Con không biết vì lý do gì mà đại địa chấn động như thế?”

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

“Phạm đại địa rung động có tám nhân duyên. Những gì là tám? Vì đất ở trên nước, nước ở trên gió, gió duy trì nước. Như từ mặt đất mà nhìn lên trời, hoặc có lúc gió làm rung động nước, nước làm rung động đại địa, đại địa nhân đó bị chấn động. Đó là nguyên nhân thứ nhất.

“Hoặc có bậc A-la-hán tôn quý, muốn thử oai thần của mình, ý muốn khiến cho đại địa chấn động, nên lấy hai ngón tay ấn trên mặt đất làm cho đất trời bị chấn động mạnh. Đó là nguyên nhân thứ hai.

<sup>14</sup>. Hê-liên Khê 醯連溪, phiên âm khác: Hi-liên-thiền hà 希(熙)連禪河; tức Pāli: sông Hiraññavatī (Kim hà) Kusināra.

<sup>15</sup>. Ma 魔; No.1(2) sdd.: Ma Ba-tuần, 魔波旬; Pāli: Māra pāpimant, ma ác, hay thần chế kẻ gây ra tội ác, xúi dục người khác làm ác.

<sup>16</sup>. Tệ ma 弊魔, chỉ ác ma; xem cht.100.

<sup>17</sup>. Nguyên văn: Diệc khả phóng khí thọ mạng 亦可放棄壽命; No.1(2) sdd.: Xả mạng trụ thọ 捨命住壽.

“Trong khoảng không có vị trời oai thần lớn lao ý muốn làm cho đại địa rung động, tức thì đại địa liền bị chấn động mạnh. Đó là nguyên nhân thứ ba.

“Khi Đức Phật còn làm Bồ-tát từ cõi trời Đâu-thuật<sup>18</sup> nhập mẫu thai, lúc đó đất trời bị chấn động mạnh.

“Khi Bồ-tát từ hông bên hữu của mẹ hạ sanh thì đất trời bị chấn động mạnh.

“Khi Bồ-tát đắc đạo thành Phật, đất trời bị chấn động mạnh.

“Lúc Phật bắt đầu thuyết giảng kinh giáo hóa chúng sanh thì đất trời bị chấn động mạnh.”

Đức Phật bảo A-nan:

“Sau ba tháng nữa thì Phật sẽ Bát-nê-hoàn, trời đất sẽ lại chấn động. Đó là nguyên nhân thứ tám khiến cho đại địa chấn động.”

A-nan nghe Đức Phật nói thời hạn là ba tháng nữa sẽ nhập Nê-hoàn liền khóc lóc, hỏi:

“Phải chăng Ngài đã xả bỏ thọ mạng?”

Đức Phật bảo A-nan:

“Ta đã xả bỏ thọ mạng rồi.”

A-nan bạch Phật:

“Con từng nghe từ kim khẩu của Phật nói: Nếu Tỳ-kheo nào có bốn pháp này, gọi là bốn thần túc, nếu muốn kéo dài mạng sống trong một kiếp cũng có thể được. Uy đức của Đức Phật còn cao hơn bốn thần túc nữa, tại sao không kéo dài mạng sống hơn một kiếp?”

Đức Phật bảo A-nan:

“Đó là do lỗi của người, là điều người đã làm. Vì ta đã ba lần nói với người: ‘An vui thay trong cõi Diêm-phù-lợi!’ nhưng người vẫn im lặng không trả lời. Ta thấy người tài năng<sup>19</sup>, tại sao lại để cho Tỳ ma nhập vào trong người mình? Ta không thể dừng lại được, sau ba tháng ta sẽ nhập Nê-hoàn.”

A-nan liền đứng dậy nói với các Tỳ-kheo Tăng:

“Sau ba tháng nữa Đức Phật sẽ nhập Nê-hoàn.”

Đức Phật bảo A-nan:

<sup>18</sup>. Đâu-thuật 兜術; No.2(1) sdd.: Đâu-suất 兜率; Pāli: Tusita; Skt.: Tusita.

<sup>19</sup>. Nguyên văn: Ngã kiến nhược đầu giác 我見若頭覺.

“Hãy tập hợp tất cả các Tỳ-kheo lại trong đại hội đường.

A-nan bạch:

“Tất cả các Tỳ-kheo Tăng đã ở trong đại hội đường rồi.”

Đức Phật liền đứng dậy đi vào đại hội đường. Các Tỳ-kheo đều đứng dậy, cung kính đánh lễ. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Mọi vật trong trời đất đều vô thường, không có gì vững chắc. Con người vẫn ham muốn sanh tử, không mong tìm con đường giải thoát khỏi thế gian, thấy đều do si mê cả. Cha mẹ rồi cũng phải biệt ly, tưởng nhớ đến mà buồn thương. Người càng ân ái, tham luyến nhau càng nhiều bi ai. Trong thiên hạ, không có cái gì có sanh mà không có chết. Ta từng giảng nói nơi kinh: Hễ có sanh thì phải có chết; chết rồi lại sanh, sầu khóc lẫn nhau chẳng lúc nào thôi. Núi Tu-di rồi cũng sụp đổ. Chư Thiên trên trời cũng phải chết. Làm vua cũng chết; nghèo, giàu, sang, hèn, cho đến loài súc sanh cũng vậy. Không có gì sanh mà không chết. Đừng kinh ngạc khi biết Đức Phật sau ba tháng nữa sẽ nhập Nê-hoàn. Dù Phật không còn, hãy thọ trì giới kinh. Phật còn tại thế cũng phải thọ trì giới luật kinh pháp, mong cầu thoát khỏi cuộc đời không còn trở lại nẻo sanh tử nữa, cũng không còn ưu sầu khổ nữa. Để cho kinh Phật được trường tồn, sau khi Phật diệt độ, các bậc Hiền giả trong khắp mọi nơi hãy cùng nhau thọ trì giới, kinh. Người trong thế gian mà tự làm cho tâm mình được ngay thẳng chính đáng thì chư Thiên trên trời thấy đều hoan hỷ hỗ trợ, khiến người đó được phước. Đối với kinh của Phật phải đọc phải tụng, phải học, phải thọ trì, phải tư duy, phải khiến cho tâm ý luôn chân chánh, hãy cùng truyền dạy cho nhau.

“Có bốn việc: đoan nghiêm thân, đoan nghiêm tâm, đoan nghiêm chí, đoan nghiêm miệng.

“Lại có bốn việc: lúc muốn sân hận thì nhẫn, niệm ác khởi lên thì diệt trừ, có tham dục thì diệt bỏ, phải nên luôn luôn lo nghĩ về sự chết.

“Lại có bốn việc: tâm muốn tà vạy thì đừng nghe theo, tâm muốn dâm dục thì đừng nghe theo, tâm muốn làm điều ác thì đừng nghe theo, tâm muốn sự giàu sang, phú quý cũng đừng nghe theo.

“Lại có bốn việc: tâm phải nên lo nghĩ về sự chết, tâm muốn làm điều ác thì đừng nghe theo, phải kiểm chế tâm; tâm phải tùy thuộc người, người đừng tùy tâm; tâm làm mê hoặc người; tâm giết thân, tâm làm bậc La-hán, tâm lên trời, tâm làm người, tâm làm súc sanh, trùng kiến chim thú, tâm vào địa ngục, tâm làm nạ quỷ. Tất cả hình dạng

tướng mạo đều do tâm làm ra cả.

“Tâm, thọ và mạng, ba thứ theo nhau. Tâm là vị thầy dẫn đầu. Mạng tùy tâm, thọ tùy mạng. Đó là ba thứ theo nhau. Nay ta làm Phật, được trên trời dưới trời tôn kính, cũng đều do tâm mà ra. Hãy nên nghĩ đến sự thống khổ của sanh tử, lia bỏ mọi sự ràng buộc của gia đình. Nên nhớ nghĩ đến tám việc để suy tư về kinh Phật:

“Một, hãy lia bỏ vợ con mà tìm con đường vượt khỏi thế gian; không tranh cãi với người đời; không có tâm tham.

“Không được nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói dối, thêu dệt, ngâm vịnh ca hát.

“Không được sát sanh, trộm cắp tài vật người khác và nhớ nghĩ đến sự dâm dục.

“Không được ôm lòng sân hận, ngu si và tham lam.

“Không được ganh ghét, khinh mạn người khác.

**“Không được nghĩ tưởng làm ác, làm cho người khác thêm đau khổ.**

“Không nên có thái độ buông lung; không được biếng trễ, nằm dài, nghĩ tới chuyện ăn uống.

“Hãy nên lo lắng, thân sanh rồi sẽ già, bệnh và chết.

“Thọ trì tám việc này, tự đoan nghiêm tâm, không tranh cãi cùng mọi người, được giải thoát khỏi thế gian.

“Này các Tỳ-kheo! Hãy nên suy tư về tám việc này và bốn nguồn gốc thống khổ thì kinh Phật được tồn tại lâu dài.”

Đức Phật từ nước Duy-da-lê, bảo A-nan, hãy đi đến xóm Câu-lân<sup>20</sup>. A-nan bạch:

“Dạ vâng!”

Đức Phật từ nước Duy-da-lê ra đi, ngoái nhìn lại thành. A-nan liền đến trước thưa:

“Đức Phật đâu có vô cớ xoay người để nhìn lại thành này?”

Đức Phật bảo A-nan:

“Ta không hề vô cớ xoay người lại để ngắm. Phàm làm Phật thì không vô cớ quay lại để ngắm.”

A-nan thưa:

<sup>20</sup>. Câu-lân 拘鄰, xem cht.55.

“Vậ Đức Phật quay nhìn như vậy là ý gì?”

Đức Phật nói:

“Hôm nay tuổi thọ của ta đã dứt, không còn trở lại để vào thành này nữa, cho nên ta quay lại nhìn.”

Có một vị Tỳ-kheo tiến đến trước, gần chỗ Phật hỏi:

**“Từ hôm nay Thế Tôn không còn đi vào trong thành này nữa sao?”**

Đức Phật nói:

“Ta sắp nhập Nê-hoàn, không còn thấy lại nước Duy-da-lê nữa. Ta sẽ đi đến đến quê hương Hoa thị<sup>21</sup>.”

Đức Phật đến xóm Câu-lân, trong đó có khu vườn tên là Thi-xá-hoàn<sup>22</sup>. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy giữ tâm tinh khiết, an tọa luôn tự tư duy, biết trong cuộc sống người có trí tuệ khiến cho tâm đoan chánh, do tâm chánh trực mà ba thứ độc là dâm, nộ, si được trừ sạch. Tỳ-kheo ấy tự nói rằng đã đoạn trừ cội gốc của sanh tử, đắc quả A-la-hán, nhất tâm không còn gì để lo lắng, lại không còn lo sợ về sanh tử. Tuy còn khổ<sup>23</sup> nhưng vẫn đạt được con đường không sanh tử<sup>24</sup>.”

Đức Phật từ xóm Câu-lân bảo Tôn giả A-nan đi đến xóm Kiền-lê<sup>25</sup>.

Tôn giả A-nan thưa:

- 
- <sup>21</sup>. Hoa thị hương thổ 華氏鄉土, có lẽ đồng nhất với Lục sĩ sanh địa 力士生地, tức “quê hương của những người lục sĩ” hay cũng gọi là Mạt-la quốc, mà thủ phủ là thành Câu-thi-na, nơi Phật sẽ nhập Niết-bàn. Phạm: Malla: lục sĩ, Malya: tràng hoa.
- <sup>22</sup>. Thi-xá-hoàn 尸舍洹; No.2(2) sdd.: Thi-xá-bà 尸舍婆 tên một loại cây; Pāli: Simsāpa; tên khoa học: Dalbergia sisu; No.1(2): Phật dừng lại trong rừng cây Thi-xá-bà, phía Bắc thành Phụ-di. (Theo tài liệu Pāli, có một khu rừng Sinsāpavana tại Kosambī).
- <sup>23</sup>. Hán: tuy cánh khổ 雖更枯苦, không rõ ý.
- <sup>24</sup>. Văn dịch không chuẩn về thành cú chuẩn liên hệ sự chứng quả A-la-hán. Hán dịch thường gặp: sanh dĩ tận, phạm hạnh dị lập, sở tác dĩ biện, bất thọ hậu hữu 生已盡梵行已立所作已辦不受後有.
- <sup>25</sup>. Kieàn-lê 捷梨; No.1(2) sdd.: Phật từ tháp Giá-bà-la đi đến thôn Am-bà-la, rồi đến thôn Chiêm-bà, rồi đến thôn Kiển-đồ. Trong bản Pāli: từ miếu Cāpālā-cetiya, Phật trở vào thành Vesālī, từ đó đi đến thôn Bhandagāma, đến thôn Hatthigāma, thôn Ambagāma, Jambugāma, dừng chân tại thị trấn Bhoganagara...



“Dạ vâng.”

Đức Phật cùng Tỳ-kheo Tăng đi đến xóm Kiên-lê. Từ xóm Kiên-lê Đức Phật bảo A-nan đồng đi đến Kim tụ<sup>26</sup>, cùng với đông đủ Tỳ-kheo Tăng. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có Tỳ-kheo nào tâm thanh tịnh, tâm tư duy, tâm có trí tuệ, tâm tự tư duy, thì người đó có trí biết kinh, đó là gốc của tâm trí tuệ; và tâm dâm, tâm hận, tâm si đều được trừ diệt. Ba tâm đã thanh tịnh, nếu muốn thoát khỏi cuộc đời thì không phải là chuyện khó. Khi đắc quả A-la-hán thì các thứ dâm, nộ, si đều được tiêu trừ. Nên tự nói: ‘Đã trừ diệt ba thứ này thì không còn tạo pháp sanh tử nữa’.”

Đức Phật từ Kim tụ bảo A-nan lại đến xóm Thọ thủ<sup>27</sup>. A-nan thưa:

“Dạ vâng.”

Liên cùng đông đủ các Tỳ-kheo đi đến xóm Thọ thủ. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy để tâm thanh tịnh, tâm tư duy, tâm trí tuệ<sup>28</sup>. Nếu ai tâm ý được thanh tịnh thì tâm liền ngay thẳng, tâm trí tuệ liền sanh, trí tâm liền hiểu rõ, khai mở, không nghĩ về dâm, không nghĩ đến hận, không còn si mê nữa, tâm đã được khai mở.”

Các Tỳ-kheo tự nói:

“Những điều mong ước của ta đã đạt được, nhưn đó thấy được đạo A-la-hán.”

Đức Phật từ xóm Thọ thủ bảo A-nan đi đến xóm Yêm-mãn<sup>29</sup>, A-nan thưa:

“Dạ vâng.”

Tôn giả liền cùng đông đủ các Tỳ-kheo đi đến xóm Yêm-mãn. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo Tăng<sup>30</sup>:

<sup>26</sup>. Kim tụ 金聚; tức No.2(2) sđd.: thôn Chiêm-bà 瞻婆; Pāli: Jambugāma. Ở đây, jambu được hiểu là jambunada hay jambodana, Diêm-phù-đàn kim, tên loại vàng lấy từ cát ở Jambu, do đó dịch là Kim tụ, hay Xóm vàng.

<sup>27</sup>. Thọ thủ 授手; Pāli: Hatthigama.

<sup>28</sup>. Chính xác, đoạn này Phật giảng về sự tu tập cùng lúc ba môn giới, định và tuệ.

<sup>29</sup>. Yêm-mãn 掩滿; Pāli: Ambagāma.

<sup>30</sup>. Tham chiếu No.1(2): tại thôn Am-bà-la, Phật giảng, tu tập giới-định-tuệ đưa đến giải thoát dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Bản Pāli, tại thôn Bhandagāma, nội dung cũng tương đồng.

“Phương pháp của tâm thanh tịnh, tâm tư duy, tâm trí tuệ dẫn tới việc dứt hết các thứ dâm, nộ. Đạt được con đường của tâm thanh tịnh, cùng với tâm tư duy, tâm trí tuệ liền sanh ra con đường để tâm tư duy<sup>31</sup>. Nếu có tâm thanh tịnh, tâm trí tuệ liền khai mở được con đường của tâm trí tuệ. Có tâm thanh tịnh, tâm tư duy liền được sáng suốt<sup>32</sup>. Người đời dùng vải dạ để nhuộm màu, nếu vải dạ sạch sẽ thì màu nhuộm đẹp, đó là do dạ sạch. Tỳ-kheo có ba tâm: tâm thanh tịnh, tâm tư duy, tâm trí tuệ. Tâm thanh tịnh là thi-đại<sup>33</sup>, tâm tư duy là tam-ma-đề<sup>34</sup>, tâm trí tuệ là băng-mạn-nhã<sup>35</sup>. Tâm thi-đại là không dâm, không giận dữ, không tham. Tam-ma-đề là tâm được thu nhiếp khiến không còn dong ruổi. Băng-mạn-nhã là tâm không còn ái dục.

**“Người thọ trì kinh giới của Phật ví như người có tấm vải dạ. Tấm vải ấy nếu bị bẩn, muốn nhuộm lấy để có màu sắc thì màu sắc không được tươi tốt. Tỳ-kheo nếu chẳng an định đối với tâm thanh tịnh, tâm tư duy, tâm trí tuệ mà muốn đạt đạo thì thật là khó. Vì tâm của vị ấy không được cởi mở. Tỳ-kheo tâm tự cởi mở, bằng tâm tư của mình vị ấy liền thấy cả việc trên trời, biết rõ ý niệm của tâm người, cũng thấy họ sẽ sanh vào các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, thiện, ác. Giống như dưới nước trong có cát, đá màu xanh, vàng, trắng, đen... tất cả đều hiện rõ do nhờ nước trong. Cầu con đường giải thoát khỏi thế gian, phải để tâm thanh tịnh như vậy. Thí như khe nước đục ngầu thì cát, đá ở dưới không thể**

<sup>31</sup>. Tham chiếu No.1(2): tu giới đắc định, được phước lớn; Pāli: định cùng tu với giới đưa đến kết quả lớn.

<sup>32</sup>. Tham chiếu No.1(2): do tâm (định) và trí (tuệ) được tu tập đồng thời, sẽ giải thoát, dứt sạch các lậu hoặc: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Bản Pāli cũng vậy.

<sup>33</sup>. Hán: thi đại 尸大, phổ thông phiên âm là thi-la 尸羅, tức Pāli: giới.

<sup>34</sup>. Hán: tam-ma-đề 三摩提, phiên âm phổ thông là tam-ma-địa hay tam-muội, tức định hay chánh định.

<sup>35</sup>. Hán: băng-mạn-nhã 崩曼若, phiên âm phổ thông: bát-nhã, tức tuệ hay trí tuệ.

**thấy được, cũng không thể biết là nước cạn hay sâu. Tâm Tỳ-kheo mà không thanh tịnh thì không thể đạt được con đường giải thoát, vì tâm của Tỳ-kheo ấy luôn bị ô nhiễm.”**

Đức Phật từ xóm Yêm-mãn bảo Tôn giả A-nan cùng đi đến xóm Hỷ dự<sup>36</sup>. A-nan thưa:

“Dạ vâng.”

Rồi cùng đồng đủ các Tỳ-kheo đi đến xóm Hỷ dự. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có tâm thanh tịnh, tâm tư duy, tâm trí tuệ thì đối với những điều thầy truyền dạy, đệ tử phải nên học. Nếu không những điều suy nghĩ của thầy không thể đi vào trong tâm của đệ tử, làm cho tâm của đệ tử được đoan nghiêm. Tỳ-kheo hãy tự làm thanh tịnh lấy mình, tâm đoan nghiêm mới là tâm. Tâm đoan nghiêm thì được giải thoát khỏi thế gian. Hãy tự nói: ‘Ta đã được giải thoát khỏi thế gian, đoạn trừ cội gốc của sanh tử’.”

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

“Hãy đi đến xóm Hoa thị<sup>37</sup>.”

A-nan thưa: “Dạ vâng!” Liền cùng đồng đủ các Tỳ-kheo đi đến xóm Hoa thị. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Tâm có ba thứ cấu uế, đó là cấu uế về tham dâm, cấu uế về giận dữ và cấu uế về si mê. Giữ tâm thanh tịnh thì trừ được cấu uế về tham dâm, giữ tâm tư duy thì trừ được cấu uế về giận dữ, giữ tâm trí tuệ thì trừ được cấu uế về si mê. Bấy giờ Tỳ-kheo tự tuyên bố: Đã thoát khỏi thế gian, đoạn trừ được cội gốc của bao thứ khổ não nơi sanh tử.”

<sup>36</sup>. Hỷ dự 喜豫; Pāli: Ānanda-cetiya, chú không phải là Nāḍika, No.1(1) Na-đà thôn, như thấy ở cht.58.

<sup>37</sup>. Hoa thị tụ 華氏聚; No.2(2) sđd.: Ba-bà 波婆; Pāli: Pāvā. theo tài liệu Pāli, Pāvā là một đô thị của bộ tộc Malla (xem cht. 106). Phật tử Bhoagagāma đi đến Pāvā. No.1(2), Phật tử Phù-di (Pāli: Bhogagāma?) đi đến Pāvā.